

Số: 308/QĐ-UBND

Hương Thủy, ngày 05 tháng 02 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Đồ án Quy hoạch chi tiết (tỷ lệ 1/500)
Khu Quy hoạch xây dựng Thiết chế Công đoàn tại Thừa Thiên Huế.

ỦY BAN NHÂN DÂN THỊ XÃ HƯƠNG THỦY

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Luật Kiến trúc ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Chính phủ về Sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 85/2020/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Kiến trúc;

Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ Sửa đổi bổ sung một số điều của các nghị định thuộc lĩnh vực quản lý của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng về việc quy định về hồ sơ Nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 06/2013/TT-BXD ngày 13 tháng 5 năm 2013 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về nội dung Thiết kế đô thị; Thông tư số 16/2013/TT-BXD

của Bộ Xây dựng về sửa đổi, bổ sung một số điều của 06/2013/TT-BXD ngày 13 tháng 5 năm 2013 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về nội dung thiết kế đô thị;

Căn cứ Quyết định số 655/QĐ-TTg ngày 12/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án “Đầu tư xây dựng các thiết chế của Công đoàn tại các khu công nghiệp, khu chế xuất”;

Căn cứ Quyết định số 1729/QĐ-TTg ngày 04/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung quyết định 655/QĐ-TTg ngày 12/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án “Đầu tư xây dựng các thiết chế của Công đoàn tại các khu công nghiệp, khu chế xuất”;

Căn cứ Quyết định số 108/QĐ-TTg ngày 26/01/2024 của Thủ Tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch chung đô thị Thừa Thiên Huế đến năm 2045, tầm nhìn đến năm 2065;

Căn cứ Quyết định số 73/2021/QĐ-UBND ngày 26 tháng 11 năm 2021 của UBND tỉnh ban hành Quy định về phân công, phân cấp và ủy quyền công tác quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế; Quyết định số 66/2023/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2023 của UBND tỉnh sửa đổi bổ sung một số điều của Quy định về phân công, phân cấp và ủy quyền công tác quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế ban hành kèm theo Quyết định số 73/2021/QĐ-UBND ngày 26 tháng 11 năm 2021 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế;

Căn cứ Quyết định số 3166/QĐ-UBND ngày 27/12/2022 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về việc phê duyệt Quy hoạch phân khu (tỷ lệ 1/2000) phường Thủy Lương, thị xã hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế;

Căn cứ Quyết định số 2450/QĐ-UBND ngày 11/8/2023 của UBND thị xã Hương Thủy về việc phê duyệt Nhiệm vụ quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu quy hoạch xây dựng Thiết chế Công đoàn tại Thừa Thiên Huế;

Xét Tờ trình số 15/TTr-BQLDA ngày 02 tháng 02 năm 2024 của Ban Quản lý dự án Thiết chế Công đoàn về việc đề nghị thẩm định, phê duyệt Đồ án Quy hoạch chi tiết (tỷ lệ 1/500) Khu quy hoạch xây dựng Thiết chế Công đoàn tại Thừa Thiên Huế;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý đô thị tại Báo cáo thẩm định số 10/KQTĐ-QLĐT ngày 04 tháng 02 năm 2024,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu quy hoạch xây dựng thiết chế Công đoàn tại Thừa Thiên Huế, phường Thủy Lương, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế; với các nội dung sau:

1. Tên đồ án: Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu quy hoạch xây dựng thiết chế Công đoàn tại Thừa Thiên Huế.

2. Phạm vi ranh giới khu vực lập quy hoạch: Khu vực nghiên cứu thuộc tờ số 6 và tờ số 10, tại phường Thủy Lương, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Phía Đông Bắc: giáp đất trồng lúa theo hiện trạng và quy hoạch đất dự trữ phát triển theo quy hoạch phân khu phường Thủy Lương;

- Phía Tây Bắc: giáp đường quy hoạch lộ giới 19,5m;

- Phía Tây Nam: giáp đường quy hoạch lộ giới 19,5m;

- Phía Đông: giáp khu quy hoạch khu dân cư.

3. Quy mô lập quy hoạch:

- Quy mô dân số khoảng: 3.000 người.

- Quy mô diện tích: 4,97ha.

4. Tính chất của đồ án: Là Khu nhà ở công nhân và Khu thiết chế văn hóa - thể thao và các công trình phục vụ phúc lợi xã hội được đầu tư đồng bộ, đảm bảo phù hợp với chiến lược và cấu trúc phát triển chung của toàn đô thị, đảm bảo khớp nối về mặt tổ chức không gian và hạ tầng kỹ thuật giữa khu vực lập quy hoạch và khu vực lân cận.

5. Mục tiêu của đồ án:

- Góp phần thực hiện Nghị quyết số 54-NQ/TW ngày 10 tháng 12 năm 2019 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

- Cụ thể hóa đồ án Quy hoạch chung đô thị Thừa Thiên Huế đến năm 2045, tầm nhìn đến năm 2065 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 108/QĐ-TTg ngày 26/01/2024; Quyết định số 3166/QĐ-UBND ngày 27/12/2022 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về việc phê duyệt Quy hoạch phân khu (tỷ lệ 1/2000) phường Thủy Lương, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế;

- Cụ thể hóa Quyết định số 1729/QĐ-TTg ngày 04/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung Quyết định số 655/QĐ-TTg ngày 12/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Đầu tư xây dựng các thiết chế công đoàn tại các khu công nghiệp, khu chế xuất” và Quyết định số 655/QĐ-TTg ngày 12/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ nhằm có cơ sở đầu tư xây dựng nhà ở, cơ sở y tế, giáo dục, siêu thị và các công trình thương mại dịch vụ, công trình văn hóa, thể thao để nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho công nhân, đoàn viên công đoàn, người lao động tại các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Làm cơ sở để lập dự án đầu tư xây dựng và quản lý xây dựng theo quy hoạch được duyệt.

6. Quy hoạch sử dụng đất:

Bảng thông kê chi tiết các chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất

STT	Chức năng	Ký hiệu	Diện tích lô(m ²)	Tỷ lệ(%)
I	Đất ở		28.001,80	56,25
1	Đất nhà ở chung cư		22.067,90	44,33
1.1	Đất nhà ở chung cư 1	CC-1	9.092,59	
1.2	Đất nhà ở chung cư 2	CC-2	12.975,31	
2	Đất nhà ở chung cư thấp tầng		5.933,90	11,92
2.1	Đất nhà ở chung cư thấp tầng 1	CCTT-1	1.054,69	
2.2	Đất nhà ở chung cư thấp tầng 2	CCTT-2	1.527,90	
2.3	Đất nhà ở chung cư thấp tầng 3	CCTT-3	3.351,31	
II	Đất Công cộng, dịch vụ		5.798,08	11,65
	Đất trung tâm văn hóa - thể thao	VHTT	5.798,08	11,65
III	Đất Thể dục thể thao	TT	4.046,60	8,13
IV	Đất Cây Xanh	CX	745,23	1,50
V	Đất Hạ tầng kỹ thuật	HTKT	277,24	0,56
VI	Đất cây xanh cách ly	CXCL	849,85	1,71
VII	Đất giao thông, bãi xe		10.060,11	20,21
	Đất nhà xe	NX	1.634,45	
	Đất giao thông		8.425,66	
Tổng cộng			49.778,91	100,00

7. Quy hoạch không gian kiến trúc cảnh qua

a) Tổ chức không gian:

- Phát triển khu vực dân cư mới đồng bộ, hiện đại; định hướng không gian mở, đa năng, thuận lợi liên kết phát triển với các khu vực khác trong đô thị.

- Các công trình nhà ở đảm bảo về chiều cao tầng, kỹ thuật, tổ chức không gian mở, cảnh quan phù hợp. Công trình kiến trúc xây dựng mới được thiết kế phù hợp cho từng chức năng, với hình thức kiến trúc đa dạng, hiện đại.

- Phát triển các tuyến, điểm cây xanh gắn với sinh hoạt công cộng, bổ sung thiết chế văn hóa đô thị trong khu dân cư.

- Gắn kết mạng lưới hạ tầng kỹ thuật của khu vực nghiên cứu với mạng lưới hiện có và mạng lưới chung của toàn khu vực, tạo thành một hệ thống hoàn chỉnh.

b) Phân khu chức năng:

+ Đối với khu ở:

- Khối nhà ở chung cư thấp tầng: Bố trí tiếp giáp với các tuyến đường đối

ngoại. Hình thức kiến trúc hiện đại, kết hợp hài hoà với không gian chung.

- Khối nhà ở chung cư: Nằm trên các tuyến đường nội khu, được thiết kế theo hình thức kiến trúc hiện đại. Phần khối đế sẽ đặt các cơ sở, tiện ích phục vụ nhu cầu của người dân trong khu vực như (trường mẫu giáo, siêu thị, y tế,...). Không gian sân trong giữa các khối chung cư bố trí sân chơi, cây xanh, sân vườn, ghế ngồi,... kết nối hài hòa với cảnh quan khu vực xung quanh.

- Các hình thức nhà được thiết kế với đường nét kiến trúc hiện đại, không cầu kỳ, đường nét nhẹ nhàng, màu sắc hài hòa.

+ Đối với khu công cộng dịch vụ:

- Trung tâm văn hóa – thể thao bố trí khu vực phía Đông của khu vực lập quy hoạch, hình thức kiến trúc hiện đại, phù hợp với tính chất sử dụng, hài hòa với cảnh quan khu vực.

- Các công trình trường mầm non, trạm y tế, siêu thị bố trí bên trong các khối chung cư. Hình thức bố trí mạch lạc, không chồng chéo với các chức năng khác, phù hợp với mặt bằng khối đế chung cư, đáp ứng các tiêu chuẩn thiết kế cho từng loại công trình.

+ Đối với khu cây xanh, khu thể dục, thể thao:

- Bố trí mảng xanh dọc tuyến đường khu vực phía bắc bề rộng 4,5m góp phần tạo bóng mát và cải thiện vi khí hậu cho phạm vi không gian dọc tuyến đường N1. Ngoài ra, trong các lô đất xây dựng nhà chung cư, trung tâm văn hóa – thể thao, bố trí đất trồng cây xanh với tỷ lệ đất tối thiểu trồng cây xanh từ 20-30%, góp phần tạo giá trị cảnh quan, phục vụ nhu cầu vui chơi, giải trí, tập thể dục cho cư dân.

- Khu thể dục thể thao bố trí về phía Đông của khu quy hoạch, tiếp giáp khu trung tâm văn hóa – thể thao phía nam và Nhà xe 3 tầng ở phía Bắc, quy mô diện tích khoảng 4.046,60 m², bố trí sân tập các môn thể thao như cầu lông, bóng chuyền,...

+ Đối với khu vực bãi đỗ xe

- Bãi đỗ xe được bố trí ngoài trời và tại tầng 1 của các khối chung cư, ngoài ra xây dựng nhà xe 3 tầng bố trí tại khu vực gần khu thể thao, quy mô khu đất khoảng 1634,45m², đảm bảo nhu cầu gửi xe của khách hàng và người dân;

+ Đối với khu hạ tầng kỹ thuật, cây xanh cách ly

Khu hạ tầng kỹ thuật bố trí tại khu vực phía Đông Bắc của khu quy hoạch, tại nút giao hai tuyến đường N1 và D1, bố trí hành lang cây xanh cách ly 10m bao quanh.

8. Các yêu cầu về quy hoạch kiến trúc

a) Mật độ xây dựng:

+ Đối với Đất nhà ở chung cư: $\leq 44\%$;

+ Đối với Đất nhà ở chung cư thấp tầng: $\leq 74\%$;

- + Đối với Đất công trình Công cộng - Dịch vụ: $\leq 40\%$;
- + Đối với Đất cây xanh: $\leq 05\%$;
- + Đối với Đất hạ tầng kỹ thuật: $\leq 100\%$;
- + Đối với Đất nhà xe: $\leq 100\%$;

b) Chiều cao công trình:

- + Đối với Đất nhà ở chung cư: ≤ 09 tầng;
- + Đối với Đất nhà ở chung cư thấp tầng: ≤ 03 tầng;
- + Đối với Đất công trình Công cộng - Dịch vụ: ≤ 02 tầng;
- + Đối với Khu cây xanh: ≤ 01 tầng;
- + Đối với Đất hạ tầng kỹ thuật: ≤ 01 tầng;
- + Đối với Đất nhà xe: ≤ 03 tầng;

c) Chỉ giới xây dựng:

- + Đối với Khu nhà ở chung cư: Lùi $\geq 6,0m$ so với chỉ giới đường đỏ.
- + Đối với Đất nhà ở chung cư thấp tầng: Lùi $\geq 4,0m$ so với chỉ giới đường đỏ đối với các mặt tiếp giáp với đường quy hoạch lộ giới $19,5m$ phía Tây Bắc và lùi $\geq 6,0m$ với đối với các mặt tiếp giáp với đường quy hoạch lộ giới $19,5m$ phía Tây Nam, đường N1, N2, D1 của khu quy hoạch;
- + Đối với công trình Công cộng - Dịch vụ: Lùi $\geq 6,0m$ so với chỉ giới đường đỏ.

d) Hệ số sử dụng đất:

- + Đối với Đất nhà ở chung cư: $\leq 4,0$ lần;
- + Đối với Đất nhà ở chung cư thấp tầng: $\leq 2,2$ lần;
- + Đối với Đất công trình Công cộng - Dịch vụ: $\leq 0,8$ lần;
- + Đối với Đất cây xanh: $\leq 0,05$ lần;
- + Đối với Đất hạ tầng kỹ thuật: $\leq 1,0$ lần;
- + Đối với Đất nhà xe: $\leq 3,0$ lần;

9. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

a) Chuẩn bị kỹ thuật:

- Cao độ nền: Cao độ nền khu vực cao nhất là $+3.50m$, thấp nhất là $+2.7m$. Cao độ nền thiết kế từng ô phố được khống chế bởi các trục đường bao quanh có cao độ tại các nút giao. Hướng dốc nền chủ yếu từ Đông Nam sang Tây Bắc.

- Thoát nước mưa: Xây dựng hệ thống thoát nước mưa tách riêng với hệ thống thoát nước thải. Nước mưa được thu gom bằng các tuyến cống nội bộ và tập trung về các tuyến công chính nằm dọc theo trục giao thông. Hệ thống thoát nước mưa phải bảo đảm thoát nước mưa trên toàn lưu vực và đổ ra hệ thống

thoát nước khu vực. Mạng lưới thoát nước mưa sử dụng cống bê tông cốt thép với các đường kính D600-D800.

b) Giao thông:

Hệ thống giao thông trong khu vực đảm bảo liên hệ thuận tiện với bên ngoài, giữa các khu chức năng với nhau, đảm bảo các tiêu chuẩn kinh tế, kỹ thuật.

- Giao thông đối ngoại:

+ Đường quy hoạch mặt cắt 1-1 và 1A-1A có lộ giới 19,5m (4,5m + 10,5m + 4,5m).

- Giao thông nội bộ:

+ Đường quy hoạch (ký hiệu D1) mặt cắt 2-2, có lộ giới 16,0m (4,0m + 8,0m + 4,0m).

+ Đường quy hoạch (ký hiệu N1, N2) mặt cắt 3-3, có lộ giới 15,0m (4,0m + 7,0m + 4,0m).

c) Cấp nước:

- Chỉ tiêu cấp nước: Tổng nhu cầu dùng nước toàn khu khoảng 750 m³/ngày/đêm.

+ Nước cấp cho sinh hoạt: 180 l/người/ngđ.

+ Nước cấp cho trường mầm non: 75l/cháu/ngđ.

+ Nước cấp cho các dịch vụ, công trình công cộng: 2 lít/m² sàn

+ Nước tưới cây : 3 lít/m²

+ Nước rửa đường : 0,5 lít/m²

+ Nước rò rỉ và dự phòng: Lấy 10% lưu lượng nước cấp hữu ích (nước sinh hoạt + nước dịch vụ đô thị).

+ Hệ số dùng nước không điều hòa ngày: K_{ngày} = 1,2

- Nguồn nước: Đầu nối từ đường ống HDPE D160 lấy nước từ nhà máy nước Hương Thủy với công suất quy hoạch 10.000 m³/ngày.đêm theo quy hoạch phân khu trên tuyến đường tiếp giáp dự án nằm ở phía Tây Nam khu đất.

- Mạng lưới đường ống cấp nước: Sử dụng mạng lưới vòng kết hợp với mạng lưới cụt, bố trí tuyến ống dọc các tuyến đường và cấp nước cho dự án. Các tuyến ống chính được thiết kế theo kiểu mạng vòng nhằm đảm bảo cấp nước an toàn và xuyên suốt đến các hộ dùng nước, dùng ống HDPE D110. Các tuyến ống nhánh dùng ống HDPE D63.

Phòng cháy chữa cháy: Bố trí trụ cứu hỏa trên các tuyến ống có đường kính D110 đảm bảo khoảng cách giữa các trụ cứu hỏa ≤ 150m. Bố trí trụ cứu hỏa tại các ngã giao của tuyến đường nội bộ nhằm thuận tiện cho việc chữa cháy.

d) Cấp điện:

- Chỉ tiêu cấp điện: Tổng nhu cầu sử dụng điện toàn khu là $P_{tt}=3.158$ kW ($S_{tt}=3.716$ kVA).

- Nguồn điện: Nguồn cấp điện được lấy từ tuyến trung thế 22kV hiện có được điều chỉnh theo quy hoạch phân khu phường Thủy Lương, thị xã Hương Thủy nằm trên đường tiếp giáp dự án về phía Tây Bắc khu đất.

- Lưới điện: Xây dựng mới tuyến trung thế ngầm 22kV cấp điện cho khu đấu nối vào tuyến trung thế 22kV hiện có nằm trên đường tiếp giáp dự án về phía Tây Bắc khu đất. Sử dụng loại cáp ngầm Cu/XLPE 22 KV có vỏ cách điện nhựa không cháy – nhựa tổng hợp luôn trong ống PVC chịu lực. Dùng cáp Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC.

- Mạng lưới cáp hạ thế 0,4kV: Sử dụng loại cáp đồng 0,4 kV có vỏ bọc cách điện nhựa không cháy – nhựa tổng hợp đi ngầm dưới vỉa hè, ứng với công suất từng loại phụ tải mà dùng các loại cáp tương ứng.

- Chiếu sáng công cộng: Sử dụng đèn LED công suất 150W chiếu sáng cho khu, đèn lắp trên trụ thép tráng kẽm cao 8m khoảng cách giữa các trụ từ 25-30m. Dùng cáp ngầm vỏ bọc cách điện nhựa không cháy Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC cấp điện chiếu sáng cho toàn khu quy hoạch. Lưới điện chiếu sáng cần đảm bảo về mỹ quan cho đô thị, mức độ chiếu sáng phải đạt theo tiêu chuẩn hiện hành.

e) Thông tin liên lạc: Hệ thống điện thoại, truyền hình, mạng internet... được thiết kế theo yêu cầu sử dụng. Sử dụng cáp ngầm.

f) Thoát nước thải và vệ sinh môi trường:

- Thoát nước thải: Xây dựng hệ thống thoát nước thải tách riêng với hệ thống thoát nước mưa. Toàn bộ nước thải trong từng công trình sau khi qua bể tự hoại được đấu nối vào hệ thống thoát nước thải chung của dự án và đưa về trạm xử lý nước thải chung của dự án, công suất quy hoạch đến năm 2030 là 17.000 m³/ngày-đêm. Cống thoát nước được bố trí dọc theo các tuyến đường giao thông đường kính $\Phi 300$ mm độ sâu chôn cống tối thiểu 0,7m tính từ mặt đất đến đỉnh cống. Cống thoát nước thải sử dụng cống HDPE.

- Vệ sinh môi trường: Chỉ tiêu rác thải là 1,3kg/người/ngày-đêm, tỷ lệ thu gom đạt $\geq 100\%$. Thu gom và xử lý rác thải theo quy định.

10. Đề xuất giải pháp bảo vệ môi trường:

a) Giảm thiểu ô nhiễm không khí

- Phân tuyến giao thông phù hợp, lắp đặt đầy đủ hệ thống biển báo để các phương tiện cơ giới lưu thông theo đúng tuyến nhằm giảm tiếng ồn, giảm thời gian lưu thông trên đường và giảm lượng khí thải từ các phương tiện lưu thông.

- Trồng cây xanh ven đường, trong khu vực công trình công cộng - dịch

vụ và khu nhà ở góp phần giảm khí thải CO₂, điều hòa vi khí hậu và trong lành không khí.

b) Giảm thiểu ô nhiễm nguồn nước:

Nước thải sinh hoạt từ các công trình công cộng, nhóm nhà ở phải được đầu nối vào hệ thống cống thoát nước bản chung của khu vực. Định kỳ vệ sinh quét dọn thu gom rác thải trên mặt đường để hạn chế nước mưa nhiễm bẩn trôi vào cống thoát nước mưa.

c) Giảm thiểu ô nhiễm do chất thải rắn:

Có các đơn vị thực hiện việc thu gom rác thải sinh hoạt. Phân loại, phân khu vực thu gom rác cho từng đội. Rác thu gom được phân loại, thu gom bằng phương tiện theo giờ nhất định, sau đó đưa về các điểm tiếp nhận rác tập trung. Kinh phí cho hoạt động thu gom của các đội này được lấy từ nguồn thu phí thu gom rác của các hộ gia đình.

d) Giảm thiểu tác động xã hội:

Dự án hình thành kéo theo sự gia tăng dân số, nhu cầu lao động việc làm cũng tăng nhanh nên cần có chính sách cụ thể để đáp ứng kịp thời nhu cầu này. Tuyên truyền, vận động ý thức người dân thực hiện nếp sống văn minh đô thị, đẩy lùi tệ nạn xã hội.

11. Các hạng mục ưu tiên đầu tư:

a) Giai đoạn 1: Triển khai hạng mục: Nhà văn hóa thể thao và một phần hạ tầng kỹ thuật, công trình phụ trợ xung quanh.

b) Giai đoạn 2: Triển khai các hạng mục: Nhà ở, nhà liên kề, sân vườn và hệ thống hạ tầng kỹ thuật còn lại.

Điều 2. Chủ đầu tư căn cứ vào các nội dung phê duyệt tại Điều 1 tổ chức triển khai thực hiện các bước tiếp theo, theo đúng Quy định hiện hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Hội đồng Nhân dân và Ủy ban Nhân dân thị xã; Trưởng các phòng: Quản lý đô thị, Tài nguyên và Môi trường, Tài chính - Kế hoạch; Kinh tế; Chủ tịch UBND phường Thủy Lương; Giám đốc Ban Quản lý dự án Thiết chế Công đoàn và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Các sở: XD, KHĐT, TNMT;
- CT và các PCT UBND thị xã;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Ngô Văn Vinh

